

CHUYỂN ĐỔI KINH TẾ TUẦN HOÀN NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM: CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

● HUỖNH TIẾN DŨNG¹ - TRƯƠNG VĂN CẨM²
- NGUYỄN THỊ MINH THÚY¹ - ĐỖ ĐÌNH CHIẾN¹ - NGUYỄN THỊ HỒNG MINH³

¹ Tổ chức Sáng kiến thương mại bền vững (IDH)

² Hiệp hội Dệt May Việt Nam (VITAS)

³ Đại học Kinh tế quốc dân

DOI: <https://doi.org/10.62831/20260200926>

TÓM TẮT:

Ngành Dệt May đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế và xuất khẩu Việt Nam, tuy nhiên ngành đang đối mặt với nhu cầu cấp thiết chuyển đổi sang mô hình phát triển bền vững và kinh tế tuần hoàn (KTTH) nhằm đáp ứng các yêu cầu pháp lý và tiêu chuẩn môi trường quốc tế, nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Bài viết phân tích thực trạng ngành Dệt May Việt Nam chuyển đổi sang KTTH dựa trên khung tiếp cận các giai đoạn KTTH, các mô hình và sáng kiến thực tế đang áp dụng, đề xuất giải pháp nhằm thúc đẩy chuyển đổi KTTH ngành Dệt May Việt Nam.

Từ khóa: kinh tế tuần hoàn, ngành Dệt May, chuyển đổi, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Dệt May là một trong những ngành công nghiệp chủ lực của Việt Nam, sử dụng gần 3 triệu lao động¹ và đóng góp lớn cho kim ngạch xuất khẩu. Mục tiêu chiến lược của ngành là giữ vững vị trí trong nhóm các quốc gia sản xuất và xuất khẩu hàng đầu thế giới, với tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu bình quân 6,8 - 7,0%/năm (Chiến lược phát triển ngành Dệt May và Da Giày đến năm 2030). Tuy nhiên, đây cũng là ngành tiêu hao nhiều tài nguyên, năng lượng và phát sinh chất thải. Trong khi đó, thị trường quốc tế lớn như Mỹ,

EU... ngày càng đề cao tiêu chuẩn xanh, yêu cầu nhà xuất khẩu tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường - đây là động lực bắt buộc các doanh nghiệp dệt may chuyển đổi mô hình sản xuất để giữ vị thế trên chuỗi giá trị toàn cầu.

KTTH là xu thế tất yếu nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong bối cảnh tài nguyên thiên nhiên ngày càng suy thoái, ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu. Việt Nam đã ban hành các chủ trương, chính sách phát triển KTTH nói chung, KTTH ngành dệt may nói riêng, đồng thời nỗ lực

chuyển đổi ngành dệt may theo định hướng KTTH. Tuy nhiên việc áp dụng mô hình KTTH chưa được triển khai rộng rãi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), cùng với sự thiếu hụt hạ tầng thu gom, tái chế phụ phẩm và chất thải sau tiêu dùng quy mô lớn.

Bài báo này nghiên cứu về chuyển đổi KTTH trong ngành ngành Dệt May, nhấn mạnh các cách tiếp cận bao trùm, đánh giá hiện trạng, xác định thách thức và cơ hội, xây dựng các khuyến nghị chính sách và giải pháp thực tiễn phục vụ quá trình chuyển đổi của ngành. Bài báo sử dụng các phương pháp sau: Nghiên cứu tại bàn tìm hiểu KTTH và kinh nghiệm quốc tế áp dụng KTTH trong ngành ngành Dệt May; Nghiên cứu điển hình tìm hiểu các mô hình thành công trên thế giới và Việt Nam; Phân tích SWOT xác định điểm mạnh, hạn chế, cơ hội và thách thức đối với KTTH ngành ngành Dệt May Việt Nam; Phương pháp phỏng vấn đối với chuyên gia và doanh nghiệp để tìm hiểu nhu cầu, đề xuất các giải pháp và khuyến nghị chính sách hỗ trợ chuyển đổi KTTH trong ngành Dệt May Việt Nam.

2. Cơ sở lý thuyết về kinh tế tuần hoàn

Trong các mô hình kinh tế truyền thống, quá trình sản xuất và tiêu thụ diễn ra theo hình thức tuyến tính từ khai thác tài nguyên để sản xuất hàng hóa, phân phối và tiêu dùng sản phẩm, loại bỏ chất thải ra môi trường khi không còn có giá trị sử dụng. Thực hiện kinh tế tuyến tính đẩy mạnh quá trình khai thác tài nguyên và tạo ra chất thải, dẫn tới cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường.

KTTH trái ngược với kinh tế tuyến tính, kết nối điểm cuối của đường tuyến tính truyền thống trở lại với điểm đầu, trở thành vòng tuần hoàn của vật chất. Chất thải ra môi trường được hạn chế và khôi phục để đưa trở lại hệ thống kinh tế, tiếp tục tạo ra các sản phẩm mới. Về tổng thể, KTTH là một hệ thống kinh tế có tính tái tạo và khôi phục, phục hồi thông qua những quy trình thay đổi, thiết kế hàng hóa, dịch vụ nhằm kéo dài vòng đời tuổi thọ của vật chất.

KTTH là một khái niệm rộng và thu hút được sự quan tâm của nhiều chủ thể khác nhau. Kết quả rà soát của Kirchherr và cộng sự (2023) cho thấy có 221 định nghĩa về KTTH. Tại Việt Nam, nghiên cứu này áp dụng khái niệm KTTH được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) số 72/2020/QH14: “KTTH là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường”. Nghiên cứu này nhấn mạnh một số lưu ý trong tiếp cận KTTH:

- KTTH đem lại lợi ích kinh tế. Thực hiện KTTH không phải là hi sinh lợi ích kinh tế để đạt được các mục tiêu về môi trường mà còn có tác động tích cực trong việc tạo việc làm, cạnh tranh kinh tế, tiết kiệm tài nguyên, gia tăng lợi ích của doanh nghiệp và xã hội.

- KTTH không phải là xử lý chất thải mà hướng tới việc “thiết kế chất thải”. Quy trình sản xuất phải thay đổi ngay từ đầu, tính toán sao cho chất thải tạo ra có thể được tái sử dụng, tái chế ở mức độ cao nhất, trở lại thành đầu vào cho sản xuất (World Economic Forum, 2014).

- KTTH không chỉ là tuần hoàn vật liệu mà còn là giảm thiểu việc sử dụng các vật liệu khó tuần hoàn nhằm giảm thiểu tác động có hại tới các hệ sinh thái.

- KTTH không phải là tuần hoàn vật liệu đến vô hạn. Việc tuần hoàn sẽ dừng lại khi chi phí tuần hoàn lớn hơn chi phí khai thác và sử dụng tài nguyên mới.

3. Kinh nghiệm thế giới về chuyển đổi kinh tế tuần hoàn ngành Dệt May

Chuyển đổi KTTH đòi hỏi ngành Dệt May tái cấu trúc toàn bộ chuỗi giá trị, từ thiết kế vật liệu đầu vào đến các mô hình kinh doanh mới nhằm kéo dài vòng đời sản phẩm và tái chế vật liệu. Các mô hình KTTH phổ biến áp dụng trong ngành Dệt May trên thế giới bao gồm:

Mô hình thiết kế sản phẩm bền vững: Thiết kế tuần hoàn tập trung vào việc “thiết kế chất thải ra

khỏi hệ thống" ngay từ giai đoạn đầu, giúp doanh nghiệp chuyển đổi nguồn nguyên liệu đầu vào, đảm bảo nguyên liệu an toàn, bền vững, giảm thiểu lãng phí trong quá trình sản xuất và tối ưu hóa sử dụng tài nguyên. Doanh nghiệp ưu tiên vật liệu tái chế, sử dụng sợi tự nhiên bền vững, vật liệu tiêu thụ ít nước và có khả năng phân hủy sinh học. Một số chiến lược thiết kế tuần hoàn của các doanh nghiệp dệt may như thời trang chậm, thiết kế sinh thái, thiết kế kéo dài tuổi thọ.

Mô hình quản lý chuỗi cung ứng bền vững: Lựa chọn nhà cung cấp xanh và quản lý minh bạch nguồn gốc nguyên liệu qua truy xuất nguồn gốc; Chuỗi cung ứng tuần hoàn thông minh tối ưu hóa tuyến vận chuyển, phân loại chất thải và quản lý chất thải hiệu quả; Logistics xanh, sử dụng bao bì có thể tái chế hoặc tái sử dụng. Logistics ngược để thu hồi sản phẩm, vật liệu sau sử dụng và chương trình tái chế, kéo dài tuổi thọ sản phẩm.

Mô hình sản xuất xanh: Áp dụng công nghệ thiết kế và cắt may chính xác giúp tối ưu hóa hoạt động cắt may và sử dụng vải nhằm giảm thiểu vải thừa bị loại bỏ; giải pháp tiết kiệm nước tiên tiến như công nghệ nhuộm không nước, sử dụng CO₂ siêu tới hạn giúp giảm 90% lượng nước tiêu thụ trong quá trình nhuộm; chuyển đổi năng lượng tái tạo và áp dụng quy trình tiết kiệm năng

lượng; kiểm soát, thay thế hóa chất độc hại cho nhuộm và hoàn tất vải giúp đảm bảo nguyên liệu đầu ra đủ điều kiện an toàn cho chu trình tái chế tiếp theo.

Mô hình thu gom và quản lý chất thải dệt may: Doanh nghiệp thu gom và quản lý chất thải và phụ phẩm dệt may như một chiến lược KTTH với các biện pháp như: Phân loại tại nguồn, tái chế cơ học, tái chế hóa học, tái chế nâng cấp, chuyển đổi thành năng lượng, tận dụng chất thải làm nguyên liệu thô thứ cấp cho các ngành công nghiệp khác. Chất thải và phụ phẩm dệt may cần được đánh giá, phân loại để tái sử dụng, tái chế hoặc loại bỏ nếu không phù hợp với vòng tuần hoàn tiếp theo.

4. Hiện trạng, cơ hội và thách thức chuyển đổi kinh tế tuần hoàn ngành Dệt May Việt Nam

Việt Nam là một trong những nước xuất khẩu dệt may hàng đầu thế giới với kim ngạch xuất khẩu năm 2025 ước tính 47- 48 tỷ USD, đóng góp trên 15% tổng giá trị xuất khẩu. Ngành hiện sử dụng gần 3 triệu lao động, trong đó lao động nữ chiếm gần 75%, khoảng 7.000 doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) chiếm hơn 80% (Bảng 1).

Phần lớn doanh nghiệp trong ngành vận hành theo mô hình gia công, chiếm 65%. Tuy nhiên, tỷ trọng các doanh nghiệp theo mô hình OEM/FOB

Bảng 1. Thực trạng ngành Dệt May Việt Nam

STT	Tiêu chí	Đơn vị tính	2022	2023	2024
1	Tổng số doanh nghiệp	Doanh nghiệp	~6.000-7.000	~7.000	~7.000 ²
2	Doanh nghiệp nhỏ và vừa	Doanh nghiệp	~5.600 (80%)	~5.600 (80%)	~5.600 (80%) ³
3	Doanh nghiệp FDI	Doanh nghiệp	-	~700 (10%)	~700 (10%) ⁴
4	Kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	44	40,3	44 ⁵
5	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu dệt may/tổng giá trị xuất khẩu	%	11-12	11-12	11-12 ⁶
6	Tổng số lao động	Triệu người	-	~2,5-3,0	~3,0 ⁷
7	Số lao động nữ	Triệu người	-	~2.5 (74,8%)	~2.5 (74,8%)

Nguồn: Hiệp hội Dệt May Việt Nam

(25%), ODM (10%) chủ động khâu thiết kế, nguồn nguyên liệu tăng dần. Các doanh nghiệp lớn như Vinatex, Thành Công, Phong Phú, May 10, TNG... đầu tư ngày càng nhiều vào khâu thiết kế, phát triển nguyên liệu nhằm tăng giá trị gia tăng nội địa và giảm phụ thuộc vào sản xuất gia công. Ngành công nghiệp phụ trợ dệt may, bao gồm sản xuất sợi, vải, nhuộm hoàn tất, nguyên phụ liệu, phụ kiện... vẫn còn là điểm yếu, với tỷ lệ nội địa hóa khoảng 45-50%.

Theo chiến lược phát triển ngành Dệt May Việt Nam đến năm 2035, mục tiêu cốt lõi đến năm 2035 là phát triển hiệu quả, bền vững theo mô hình KTTH, trở thành quốc gia sản xuất xuất khẩu hàng dệt may đáp ứng các yêu cầu khắt khe về phát triển bền vững, ghi danh trên bản đồ thời trang thế giới.

Việt Nam đã ban hành khung chính sách quốc gia nhằm tạo khuôn khổ và thúc đẩy quá trình chuyển dịch KTTH trong các ngành kinh tế, trong đó có ngành Dệt May. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đưa ra quy định về KTTH và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong thực hiện KTTH. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT hướng dẫn chi tiết về tiêu chí, cách thức áp dụng, phân công trách nhiệm và cơ chế khuyến khích áp dụng KTTH. Chiến lược phát triển ngành Dệt May và Da Giầy Việt Nam đến năm 2035 đặt mục tiêu tổng quát đến năm 2035, ngành Dệt May Việt Nam phát triển hiệu quả, bền vững theo mô hình KTTH. Đề án Phát triển KTTH ở Việt Nam nhấn mạnh chuyển đổi chất thải thành tài nguyên trong ngành dệt may. Doanh nghiệp áp dụng công nghệ tái chế sẽ được hỗ trợ thuế và ưu đãi để tăng giá trị và thu nhập từ sản phẩm tái chế. Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện KTTH đến năm 2035 nêu rõ dệt may là một trong các ngành, lĩnh vực trọng tâm định hướng ưu tiên triển khai KTTH ở Việt Nam. Tuy nhiên, nhiều chính sách mang tính định hướng chung, chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể cho triển khai thực hiện.

Phân tích hiện trạng chuyển đổi KTTH ngành Dệt May sau đây được xây dựng dựa trên khung tiếp cận các giai đoạn của KTTH.

4.1. Giai đoạn thiết kế

Giải pháp thiết kế bền vững được doanh nghiệp áp dụng phổ biến là chuyển đổi sử dụng sợi tái chế, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế để tham gia vào chuỗi cung ứng xanh toàn cầu như Tiêu chuẩn tái chế toàn cầu (GRS) và Tiêu chuẩn tuyên bố tái chế (RCS). Các doanh nghiệp cũng đa dạng hóa nguyên liệu bằng cách nghiên cứu và thương mại hóa sợi sinh học. Điển hình, Công ty CP Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công đã có những nỗ lực chuyển đổi KTTH như: (1) Sử dụng vật liệu tái chế: sản xuất các dòng sản phẩm "xanh" thân thiện với môi trường được sử dụng từ vật liệu và sợi tái chế như Recover cotton, Renew Polyester, Renew Cotton, góp phần giảm đáng kể lượng rác thải nhựa và rác thải khác ra môi trường; (2) Tiết kiệm tài nguyên nước: Giảm đáng kể lượng nước sạch tiêu thụ cho mỗi đơn vị sản phẩm nhờ đầu tư hệ thống tái sử dụng nước hiệu quả, kiểm soát tốt và tối ưu hóa lượng nước đầu vào và đầu ra; (3) Quản lý năng lượng và chất thải: lắp đặt điện mặt trời mái nhà tại một số cơ sở để giảm lượng khí thải carbon; sử dụng nhiên liệu sinh khối biomass dần thay thế cho than đá tại các nhà máy nhằm giảm phát thải ra môi trường, phân loại rác thải tại nguồn và tái chế các loại vải vụn, sợi dư thừa, chuyển thành nguyên liệu thứ cấp.

Thiết kế sinh thái đã bắt đầu được các doanh nghiệp dệt may áp dụng, tuy nhiên việc áp dụng còn rời rạc, kiến thức về thiết kế theo vòng đời và năng lực công nghệ xanh tại doanh nghiệp, đặc biệt DNNVV còn hạn chế.

4.2. Giai đoạn sản xuất

Giai đoạn này tập trung vào tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên (nước, năng lượng, nguyên liệu) và giảm thiểu ô nhiễm tại nguồn. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và chuyển đổi năng lượng tái tạo chủ yếu tại các doanh nghiệp lớn (áp dụng công nghệ hiện đại, nâng cấp thiết bị để giảm mức tiêu

thụ nhiên liệu, lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời). Sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả chủ yếu áp dụng trong khâu giặt, công nghệ dệt và nhuộm tiết kiệm nước hoặc không dùng nước chưa được đầu tư và áp dụng rộng rãi. Loại bỏ chất gây nguy hại, kiểm soát và thay thế hóa chất độc hại trong quá trình nhuộm và hoàn tất vải để đảm bảo nguyên liệu đầu ra an toàn cho chu trình tái chế tiếp theo. Hiện nay, nhiều sản phẩm dệt may Việt Nam đạt chứng nhận OEKO-TEX. Các doanh nghiệp cũng ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số nhằm giảm chất thải tại nguồn.

4.3. Giai đoạn tiêu dùng

Dịch vụ cho thuê thời trang mới hình thành và còn sơ khai. Thị trường đồ cũ có một số ứng dụng giúp trao đổi mua bán quần áo cũ. Một số chương trình thu hồi quần áo cũ để tái chế, gồm chương trình của các thương hiệu thời trang, các tổ chức phi lợi nhuận. Hoạt động sửa chữa quần áo chủ yếu diễn ra trong thị trường nhỏ lẻ, không chính thức.

4.4. Giai đoạn quản lý chất thải và tuần hoàn chất thải trở lại thành tài nguyên

Các doanh nghiệp dệt may Việt Nam chủ yếu xử lý chất thải và tái chế nhựa PET thành sợi tái chế. Xử lý, tuần hoàn nước thải tập trung nhiều vào khâu xử lý nước thải để đáp ứng tiêu chuẩn môi trường. Việt Nam chưa có mô hình tái chế vải quy mô lớn, các DNNVV còn hạn chế về năng lực quản lý phụ phẩm dệt may. Sợi tái chế được sử dụng trong dệt may ở Việt Nam chủ yếu là nhựa tái chế thành sợi.

Từ những phân tích trên, có thể tóm tắt điểm mạnh, hạn chế, cơ hội và thách thức chuyển đổi KTTH ngành dệt may Việt Nam như Bảng 2.

5. Kết luận và một số đề xuất

Chuyển đổi KTTH là yêu cầu tất yếu để duy trì và nâng cao vị thế cạnh tranh toàn cầu của ngành Dệt May Việt Nam. Sự cần thiết phải thực hiện KTTH trong ngành Dệt May Việt Nam không chỉ đến từ chủ trương phát triển bền vững quốc gia mà còn là một yêu cầu trực tiếp từ các thị trường xuất khẩu trọng điểm như EU, Mỹ,

Nhật Bản, Hàn Quốc... Ngành Dệt May Việt Nam có tiềm năng lớn để trở thành một trong các trung tâm dệt may tuần hoàn toàn cầu. Sự thành công của chuyển đổi này sẽ không chỉ giúp ngành giữ vững vị thế xuất khẩu trên thị trường quốc tế, tăng giá trị gia tăng, mà còn đóng góp tích cực vào các mục tiêu phát triển bền vững, xây dựng một nền kinh tế bao trùm, xanh và công bằng. Để thực hiện các mục tiêu trên, bài viết đề xuất chính sách Nhà nước và hợp tác hỗ trợ về chuyển đổi KTTH ngành Dệt May Việt Nam

Thứ nhất, đề xuất chính sách Nhà nước về chuyển đổi KTTH ngành dệt may

- Sớm ban hành Khung hướng dẫn áp dụng, đánh giá việc thực hiện KTTH ngành Dệt May; Bộ tiêu chí và chuẩn nội địa hài hòa với ESPR và ISO 14006; Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật EPR theo mô hình phù hợp quy mô DNNVV.

- Ban hành quy định cụ thể về tín dụng xanh hỗ trợ DNNVV đầu tư công nghệ tiết kiệm năng lượng, xử lý nước và tái chế. Điều chỉnh chính sách thuế nhập khẩu đối với nguồn nguyên liệu tái sử dụng theo hướng phù hợp với đặc thù ngành và mục tiêu KTTH.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, chuỗi giá trị minh bạch... phù hợp tiêu chuẩn quốc tế.

- Xây dựng hệ thống dữ liệu, vận hành nền tảng chia sẻ dữ liệu về KTTH ngành dệt may; Xây dựng nền tảng MRV ngành Dệt May để theo dõi phát thải, EPR và hỗ trợ ETS.

- Phát triển nguồn nhân lực tuần hoàn thông qua đào tạo, hướng dẫn, tập huấn. Tích hợp đào tạo kỹ năng tuần hoàn vào hệ thống trường và doanh nghiệp dệt may.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phát triển quan hệ đối tác để thúc đẩy thực hiện KTTH. Tăng cường đối thoại công - tư, trao đổi với các nhà tài trợ nước ngoài, tổ chức quốc tế để huy động, mở rộng nguồn lực phát triển KTTH.

Thứ hai, đề xuất định hướng ưu tiên hợp tác hỗ trợ

- Tổ chức đối thoại hàng năm lấy ý kiến để ghi

Bảng 2. Đánh giá chuyển đổi KTTH ngành dệt may Việt Nam

Điểm mạnh - Ngành Dệt May Việt Nam bước đầu chuyển đổi sang KTTH với các sáng kiến tiên phong. - Một số doanh nghiệp phát triển sợi bền vững từ nguyên liệu tái chế, nguyên liệu tự nhiên, tận dụng chất thải dệt may, tái chế cơ học vải vụn thành nguyên liệu thú cấp nội địa. - Bắt đầu triển khai hộ chiếu số của sản phẩm (DPP), thiết lập NDATrace.	Cơ hội - Việt Nam đã có chính sách, quy định về KTTH tạo khuôn khổ và thúc đẩy chuyển dịch KTTH ngành Dệt May. - Áp dụng KTTT ngành Dệt May nhận được sự quan tâm của các bên liên quan, với sáng kiến triển khai theo phương thức đối tác công tư. - Hiệp định EVFTA giúp 100% hàng dệt may giảm thuế về 0%, tạo động lực tăng thị phần, giá trị gia tăng nhờ quy tắc xuất xứ "từ vải". Áp lực EPR/DPP từ EU thúc đẩy Việt Nam chuyển từ cạnh tranh giá rẻ sang cạnh tranh về chất lượng và bền vững.
Hạn chế - Mô hình KTTH nhỏ lẻ, chưa đồng bộ trên toàn chuỗi giá trị dệt may, chưa áp dụng rộng DNNVV. - Sử dụng nguyên liệu xanh hạn chế, phụ thuộc nguyên liệu nhập khẩu. Tỷ lệ tái chế vật liệu thành quần áo mới thấp. - Hoạt động chuyển đổi tập trung vào xử lý ô nhiễm hơn là thiết kế, tiêu dùng. Tỷ lệ phân loại tại nguồn thấp. Nước thải sau xử lý chưa tái sử dụng triệt để. Khâu thu gom, phân loại, tái chế chất thải sau tiêu dùng chưa bền vững - Thiếu hạ tầng thu gom và tái chế chất thải sau tiêu dùng quy mô lớn - Thiếu kỹ năng, kiến thức chuyên sâu về thiết kế sinh thái, KTTH.	Thách thức - Chưa có kế hoạch tổng thể và hướng dẫn thực hiện KTTH ngành Dệt may - Có ít chính sách nâng cao nhận thức, trách nhiệm người tiêu dùng với sản phẩm dệt may bền vững. - Chính sách thuế nhập khẩu đối với nguồn nguyên liệu tái sử dụng chưa khuyến khích doanh nghiệp. - Chi phí đầu tư ban đầu cao cho công nghệ tiết kiệm năng lượng, nhuộm không nước, thu gom, tái chế. - Thiếu dữ liệu chuẩn hóa theo dõi, đánh giá thực hiện KTTH. - Thách thức của thị trường quốc tế yêu cầu chuyển dịch KTTH với rào cản kỹ thuật xanh khắt khe.

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

nhận đề xuất của doanh nghiệp và các bên trong quá trình chuyển đổi sang KTTH ngành Dệt May.

- Xây dựng dữ liệu về KTTH, tiến tới quản trị vòng đời sản phẩm dựa trên dữ liệu thời gian thực. Ứng dụng các công nghệ quản trị tiên tiến như Hệ thống thực thi sản xuất (MES), Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP), công nghệ Blockchain và mã QR code để đảm bảo tính minh bạch và chống giả mạo.

- Đào tạo về thiết kế sinh thái và các giai đoạn

thực hiện KTTH. Thay đổi mô hình đào tạo thiết kế vòng đời sản phẩm hướng tới kéo dài tuổi thọ sản phẩm và giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường sinh thái.

- Hỗ trợ thí điểm một số mô hình tuần hoàn trọng điểm, tạo cơ sở nhân rộng. Trong bối cảnh chi phí đầu tư cao và rủi ro công nghệ lớn, các mô hình thí điểm giúp chứng minh tính khả thi về kinh tế và kỹ thuật trước khi nhân rộng. Thí điểm các mô hình quốc tế tiên tiến như tái chế quần áo cũ

thành sợi chất lượng cao, mô hình dịch vụ sản phẩm (PaaS) thay đổi dòng doanh thu và quan hệ với khách hàng.

- Hỗ trợ kỹ thuật một số khâu chính của KTTH: Thu gom, phân loại, tái chế phụ phẩm và quần áo cũ thành nguyên liệu cho DNNVV. Các DNNVV có thể tổ chức sản xuất linh hoạt để lồng ghép quy trình tái chế nội bộ hoặc sơ chế để bán cho các

đơn vị lớn. Hỗ trợ chuyển đổi công nghệ lò hơi để thu hồi năng lượng từ rác thải, phát triển các khu công nghiệp sinh thái chuyên biệt với hạ tầng xử lý, tái chế tập trung.

- Tăng cường liên kết, hợp tác trong phát triển KTTH, phát triển quan hệ đối tác, huy động ngân sách và các nguồn lực khác để thúc đẩy thực hiện KTTH ■

Lời cảm ơn:

Nhóm tác giả xin trân trọng cảm ơn Tổ chức sáng kiến thương mại bền vững (IDH) đã tài trợ và phối hợp thực hiện hoạt động nghiên cứu và xuất bản bài báo này. Cảm ơn VITAS và các doanh nghiệp, chuyên gia đã cung cấp thông tin và đóng góp ý kiến hoàn thiện bài báo.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹<https://kirincapital.vn/wp-content/uploads/2025/02/BAO-CAO-TRIEN-VONG-NGANH-DET-MAY-NAM-2025.pdf>

²[https://tng.vn/userfiles/files/Quan H%E1%BB%81n%20c%E1%BB%A5-n%E1%BB%AF-trong-ng%C3%A0nh-d%E1%BB%87t-may-vi%E1%BB%87t-nam-t%E1%BA%A7m-quan-tr%E1%BB%8Dng-c%E1%BB%A7a-%C4%91%C3%A0o](https://tng.vn/userfiles/files/Quan%20H%E1%BB%81n%20c%E1%BB%A5-n%E1%BB%AF-trong-ng%C3%A0nh-d%E1%BB%87t-may-vi%E1%BB%87t-nam-t%E1%BA%A7m-quan-tr%E1%BB%8Dng-c%E1%BB%A7a-%C4%91%C3%A0o)

³<https://apiv2.business.gov.vn/medias/AnPham/d5eb0108-fa00-4102-ad9c-94da979648cb.pdf>

⁴<https://theky.vn/wp-content/uploads/2024/10/STK-Ban-tin-IR-ky-39-Q3-9M2024-vic.pdf>

⁵<https://kinhtevadubao.vn/viet-nam-la-quoc-gia-xuat-khau-det-may-lon-thu-2-the-gioi-30684.html>

⁶<https://tuoitre.vn/cong-nhan-det-may-lam-them-sap-mat-thu-nhap-van-duoi-muc-trung-binh-20250221144816633.htm>

⁷<https://www.ilo.org/vi/resource/article/trao-quy%E1%BB%81n-cho-ph%E1%BB%A5-n%E1%BB%AF-trong-ng%C3%A0nh-d%E1%BB%87t-may-vi%E1%BB%87t-nam-t%E1%BA%A7m-quan-tr%E1%BB%8Dng-c%E1%BB%A7a-%C4%91%C3%A0o>

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Lê Thị Ngọc Anh, Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Hoàng Nam, Nguyễn Diệu Diệu Ngọc, Võ Ngọc Hà, Nguyễn Huy Mạnh, (2025). Phân tích mô hình kinh tế tuần hoàn trong ngành dệt may: Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn tại Việt Nam, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Chính sách và Quản lý, Vol. 41, No. 1 (2025) 55-67.

Barrie, J., Salminen, I., Schroder, P., Stucki, J., 2024. National Circular Economy Roadmaps: A Global Stocktake for 2024. UNIDO- United Nations Industrial Development Organization, Austria, May 2024.

Potting, J., Hanemaaijer, A., Delahaye, R., Hoekstra, R., Ganzevles, J., Lijzen, J., 2018. Circular economy: what we want to know and can measure. Framework and baseline assessment for monitoring the progress of the circular economy in the Netherlands. PBL Netherlands Environmental Assessment Agency, The Hague.

Stahel, W.R., Reday-Mulvey, G., 1976. The potential for substituting manpower for energy; report to DG V for Social Affairs, Commission of the EC, Brussels (research contract no. 760137 programme of research and Actions on the development of the Labour Market).

World Economic Forum, 2014. Towards the Circular Economy: Accelerating the scale-up across global supply chains, Geneva, Switzerland.

Ngày nhận bài: 24/11/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 20/12/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 30/12/2025

THE TRANSITION TO A CIRCULAR ECONOMY IN VIETNAM'S TEXTILE AND APPAREL SECTOR: OPPORTUNITIES, CHALLENGES, AND POLICY IMPLICATIONS

● HUYNH TIEN DUNG¹

● TRUONG VAN CAM²

● NGUYEN THI MINH THUY¹

● DO DINH CHIEN¹

● NGUYEN THI HONG MINH³

¹Sustainable Trade Initiative (IDH)

²Vietnam Textile and Apparel Association (VITAS)

³National Economics University

ABSTRACT:

The textile and garment industry plays a pivotal role in Vietnam's economic growth and export performance; however, it faces increasing pressure to transition toward sustainable development and a circular economy in order to comply with international regulatory and environmental standards and to enhance value addition within global supply chains. This study examines the current state of the industry's transition to a circular economy in Vietnam, drawing on an analytical framework that incorporates stages of circular development as well as existing models and initiatives. Through this approach, the study provides a systematic assessment of progress and challenges in advancing circular economy practices within Vietnam's textile and garment sector.

Keywords: circular economy, textile and apparel sector, transition, Vietnam.